

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



*(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )*

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế;**

Chuyên ngành: **Kinh tế Nông nghiệp, Kinh tế Du lịch**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN TỰ LỰC**

2. Ngày tháng năm sinh: **21 – 04 - 1977**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: **Xã Kim Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn 4, Xã Lộc Ninh, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình**

6. Địa chỉ liên hệ: **Trần Tự Lực, Khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Đại học Quảng Bình, 312. Lý Thường Kiệt, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình**

Điện thoại di động: **0916.477.979**; E-mail: **tranlucqbu@gmail.com**

7. Quá trình công tác:

- Từ năm 2000 đến năm 2007: Cán bộ phụ trách công tác đào tạo thường xuyên, giảng viên, giám đốc tài chính Dự án Vie/015 – Trung tâm thực hành Vila Huế, Trường Trung học Nghiệp vụ Du lịch Huế (nay Trường Cao đẳng Du lịch Huế).

- Từ năm 2007 đến năm 2011: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Kinh tế thuộc Khoa Xã Hội, Du lịch và Kinh tế; kiêm phụ trách kế toán trường (năm 2010), Trường Đại học Quảng Bình.

- Từ năm 2011 đến năm 2012: Giảng viên, Phụ Trách khoa Kinh tế, Trường Đại học Quảng Bình.

- Từ năm 2013 đến năm 2017: Giảng viên, Quyền Trưởng khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Đại học Quảng Bình.

- Từ năm 2015 – 2017: Giảng viên, Quyền Trưởng khoa Kinh tế - Du lịch kiêm Phụ trách Bộ môn Quản trị kinh doanh - Du lịch, Trường Đại học Quảng Bình.

- Từ năm 2017 đến nay: Trưởng khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Đại học Quảng Bình.

- Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.

- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Đại học Quảng Bình.

- Địa chỉ cơ quan: 312. Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại cơ quan: 023.2381.9112

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường đại học Kinh tế Huế, Trường đại học Vinh và Đại học mở Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 3 năm 2000, ngành: Kinh tế Kỹ thuật, chuyên ngành: Kỹ sư Kinh tế thủy sản.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Thủy Sản, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 11 năm 2005, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Quản trị kinh doanh.

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 28 tháng 4 năm 2017, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế Nông nghiệp.

Nơi cấp bằng: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày.....tháng.....năm....., Ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Huế

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lĩnh vực du lịch: Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch và phát triển du lịch bền vững.

- Lĩnh vực kinh tế nông nghiệp: Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hiệu quả kinh tế và rủi ro; chuỗi cung ứng và các mô hình sản xuất.

- Lĩnh vực dịch vụ logistics: Nghiên cứu các vấn đề liên quan kinh nghiệm quốc tế trong phát triển dịch vụ logistics, thực tiễn phát triển dịch vụ logistics và các giải pháp phát triển các trung tâm logistics.

Ngoài các hướng nghiên cứu chủ yếu trên, để phục vụ cho mục đích phát triển học thuật, đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội, bản thân tôi còn nghiên cứu các vấn đề mang tính thời sự tại địa phương, quốc gia; những vấn đề liên quan trực tiếp đến chuyên môn giảng dạy.

#### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng).....NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn **05** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS và đang hướng dẫn **02** HVCH;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **03** đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm), **01** đề tài NCKH cấp bộ (thành viên tham gia), **02** đề tài cấp tỉnh (01 thành viên tham gia, 01 cộng tác viên), **01** đề án cấp tỉnh (chủ nhiệm), **01** đề tài cho tổ chức quốc tế (chủ nhiệm). Hiện đang thực hiện **01** đề tài cấp tỉnh.

- Đã công bố **37** bài báo KH, trong đó **12** bài báo KH trên tạp chí quốc tế, hội thảo quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản **11**, trong đó **02** sách chủ biên, **11** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín trong nước (NXB Lao Động - Xã Hội, NXB Chính trị Quốc gia, NXB Đại học Huế);

#### 15. Khen thưởng (Các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Thời gian	Hình thức, lý do khen	Cấp quyết định
15/11/2018	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ về việc “ Đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2017 - 2018, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc”.	Thủ tướng Chính phủ
28/10/2015	Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh về việc “Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2014 - 2015”.	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình
16/10/2014	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “ Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013 - 2014”.	Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
06/9/2013	Bằng khen Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác, năm học 2012 - 2013”.	Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình

Từ năm 2007 đến năm 2019	7 năm được khen thưởng đạt thành tích trong công tác NCKH giai đoạn từ năm học 2007 – 2008 đến năm học 2018 – 2019.	Hiệu trưởng trường ĐH Quảng Bình
Từ năm 2008 đến năm 2019	9 năm đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở giai đoạn từ năm học 2008 - 2009 đến năm học 2018 – 2019.	Hiệu trưởng trường ĐH Quảng Bình
Từ năm 2013 đến năm 2019	6 năm đạt danh hiệu Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Bí thư Đảng ủy trường ĐH Quảng Bình

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### 1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Trong suốt hơn 20 năm công tác trong ngành giáo dục, trên cương vị là giảng viên, tôi tự nhận thấy mình có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo, cụ thể:

- Chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan và các tổ chức đoàn thể.

- Luôn có ý thức trau dồi phẩm chất đạo đức, trung thực, thẳng thắn, hoà nhã với mọi người, có đạo đức lối sống trong sáng lành mạnh; tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; khách quan trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, được đồng nghiệp và sinh viên yêu quý.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ của người giảng viên (Kể từ năm 2007 chuyển công tác về giảng dạy tại Trường Đại học Quảng Bình đến nay tôi luôn hoàn thành nhiệm vụ từ mức tốt trở lên, trong đó có 11 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao), giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình đã được phê duyệt; chấp hành tốt quy chế giảng dạy của Bộ Giáo dục & Đào tạo và cơ sở đào tạo.

- Luôn gắn liền việc học tập, giảng dạy với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (kể từ năm học 2007 - 2008 đến nay có 7 năm học được nhà trường khen thưởng đạt thành tích trong công tác nghiên cứu khoa học; không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt: chính trị tư tưởng, chuyên môn, ngoại ngữ và công nghệ thông tin; tích cực cập nhật thông tin khoa học công nghệ, ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy để nâng cao hiệu quả của từng giờ lên lớp.

- Tham gia biên soạn chương trình đào tạo, giáo trình, hoàn thành tốt việc hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ và thực hiện tốt những nhiệm vụ chuyên môn

khác theo quy định (kể từ năm học 2007 - 2008 đến nay, tổ chức và xây dựng và phát triển 10 chương trình giáo dục đại học, cao đẳng; 2 chương trình đào tạo nghiệp vụ; biên soạn 11 sách phục vụ đào tạo, hướng dẫn 30 khóa luận tốt nghiệp đại học, 7 HVCH...).

- Tích cực hợp tác trong nghiên cứu khoa học, công tác chuyên môn và các hoạt động tư vấn khoa học, công nghệ. Kể từ năm 2011 đến nay đã phối với nhiều đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như: Sở Khoa học, Sở Du lịch, Hội doanh nghiệp, Chi cục Phát triển Nông thôn, Hội liên hiệp phụ nữ... tư vấn xây dựng 1 đề án cấp tỉnh; tham gia thực hiện 2 đề tài cấp tỉnh; thành viên và thành viên phản biện 20 đề tài cấp tỉnh; đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho hơn 100 tổ chức, doanh nghiệp với trên 400 lượt người học; đào tạo kiến thức khởi nghiệp cho gần 1.500 lượt đoàn viên thanh niên...).

- Có lý lịch rõ ràng, có đủ sức khoẻ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Tổng số **15** năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014 - 2015				3	525		525/856,2/112
2	2015 - 2016				2	427		365/514,9/108
3	2016 - 2017				2	219		219/386,5/202,5
3 năm học cuối								
4	2017 - 2018					195		195/266,5/202,5
5	2018 - 2019			5	3	240		240/428/202,5
6	2019 - 2020			2	1	285		285/390,6/202,5

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài  :

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm .....đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; Tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước  :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: Thực hiện nghiên cứu, học tập bằng tiếng Anh

- Tham gia nghiên cứu Dự án “ Sáng kiến phát triển nhà nghiên cứu” do Viện nghiên cứu Châu Á và Tập đoàn Xi măng Siam, Thái Lan tài trợ. Thời gian thực hiện dự án: Từ tháng 9/2017 đến tháng 4/2018 (Chia làm 4 giai đoạn, giai đoạn 1 tập huấn công tác nghiên cứu tại thái lan; giai đoạn 2, thực hiện công tác nghiên cứu tại Trường Đại học Quảng Bình; giai đoạn 3, báo cáo sơ bộ kết quả nghiên cứu tại Trường Đại học Quảng Bình và giai đoạn 4, hội thảo tổng kết tại Thái Lan).

- Làm việc trực tiếp với người nước ngoài theo dự án VIE/015 tại hợp đồng H/LC/03/2006 với vị trí Giám đốc tài chính, dưới sự quản lý của tổng giám đốc là người nước ngoài và dự án VIE/015. Thời gian từ 15/05/2006 đến 30/09/2006.

- Tham gia và báo cáo bằng tiếng Anh tại các hội thảo quốc tế.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh C1

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Lan Anh		✓	✓		2017 ÷ 2019	Trường ĐH Kinh tế Huế	08/08/2019
2	Võ Thị Mỹ Trang		✓	✓		2017 ÷ 2019	Trường ĐH Kinh tế Huế	18/10/2019
3	Lê Thị Như Quỳnh		✓	✓		2017 ÷ 2019	Trường ĐH Hồng Đức	01/11/2019
4	Thái Thị Ngọc Quý		✓	✓		2017 ÷ 2019	Trường ĐH Tây Nguyên	2020
5	Thái Vĩnh Phú		✓	✓		2017 ÷ 2019	Trường ĐH Tây Nguyên	2020

6	Đình Thị Thúy Lan		✓	✓		2019 ÷ 2020	Trường ĐH Kinh tế Huế	2020
7	Trần Thị Bích Phương		✓	✓		2019 ÷ 2020	Trường ĐH Kinh tế Huế	2020

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>Sau khi bảo vệ luận án TS</b>							
1	Xây dựng phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình. ISBN: 978-604-974-407-5	CK	NXB Đại học Huế, năm 2020	1	✓	Biên soạn một mình (1 - 263)	Quyết định số 554/QĐ-ĐHQB ngày 28/05/2020
2	Một số vấn đề phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh cao su tiêu điền ở tỉnh Quảng Bình. ISBN: 978-604-65-2788-6	CK	NXB Lao Động - Xã Hội, năm 2016	1	✓	Biên soạn một mình (1 - 205)	Quyết định số 808a/QĐ-ĐHQB ngày 14/05/2019
3	Phương pháp Dạy và học Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ISBN: 978-604-974-407-5	CK	NXB Đại học Huế, năm 2020	7		Biên soạn chương 5 (143 - 200)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020
4	Liên kết Thị trường và Chuỗi cung Nông sản Vùng Bắc Trung Bộ, Việt Nam ISBN: 978-604-65-3563-8	CK	NXB Lao Động - Xã Hội, năm 2018	8		Biên soạn chương 7 (214 - 230)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020
5	Hệ thống Logistics ở nước ta trong tiến trình Hội nhập và phát triển ISBN: 978-604-65-3137-1	CK	NXB Lao Động - Xã Hội, năm 2017	4		Biên soạn chương 4 (108 -152)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020

6	Một số vấn đề về phát triển Nguồn nhân lực Logistics ở Việt Nam ISBN: 978-604-65-4360-2	CK	NXB Lao Động - Xã Hội, năm 2018	5		Đồng biên soạn (451 - 467)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020
<b>Trước khi bảo vệ luận án TS</b>							
7	Một số vấn đề Thương mại và Logistics ở Việt Nam thời kỳ đổi mới 1986 - 2016 ISBN: 978-604-65-2424-3	CK	NXB Lao Động - Xã Hội, năm 2016	3		Đồng biên soạn (374 – 383)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020
8	Kinh tế và quản lý chuỗi cung ứng những vấn đề lý luận và thực tiễn	CK	NXB Lao Động - Xã Hội, năm 2014	4		Đồng biên soạn ( 26 – 39)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020
9	Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập Quốc tế	CK	NXB Chính trị quốc gia, năm 2012	2		Biên soạn chương 2 (105 - 179)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020
10	Kinh tế Thương mại (dùng cho chuyên ngành Kinh tế & Quản trị kinh doanh)	GT	NXB Lao Động - Xã Hội, năm 2014	4		Biên soạn chương 9 (205 - 233)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020
11	An toàn & Vệ sinh lao động	GT	NXB Lao Động - Xã hội, năm 2012			Biên soạn chương 5 (136 - 191)	Giấy xác nhận số 553/GXN-ĐHQB ngày 28/5/2020

**Ghi chú:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn ghi rõ từ trang... Đến trang... (ví dụ: 17-56; 145-329)

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>Sau khi bảo vệ luận án TS</b>					
1	Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai đoạn	CN	Cấp tỉnh	2018	Quyết định số 3989/QĐ-UBND ngày 12/11/2018



	2018 – 2020, tầm nhìn đến 2030”				
2	The Current situation of tourism in Phong Nha – Ke Bang National Park from the perspective of sustainable tourism”	CN	Do tổ chức quốc tế quản lý	2018	Hợp đồng ký ngày 22 tháng 9 năm 2018.
3	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản trị rủi ro nhằm phát triển bền vững cây cao su trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	CN	CS.15.2016 Cấp cơ sở	2016 - 2017	13/07/2017 Xếp loại Tốt
<b>Trước khi bảo vệ luận án TS</b>					
4	Đánh giá Hiệu Quả kinh tế sản xuất kinh doanh cao su tiêu điền ở tỉnh Quảng Bình	CN	CS.6.2014 Cấp cơ sở	2014 - 2015	06/02/2015 Xếp loại Khá
5	Phân tích chuỗi giá trị cao su Quảng Bình	CN	CS.13.2011 Cấp cơ sở	2012 - 2013	13/06/2013 Xếp loại Khá

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>Sau khi bảo vệ luận án TS</b>								
1	Economic efficiency assessment of rubber production in the risk context. Case of smallholder rubber	1	✓	African Journal of Agricultural Research. ISSN: 1991-637X.	Scopus H-Index (26); SJR (0.23); IF (0.51); Q3		16, 5, (567-573)	2020

	production in Quang Binh Province, Vietnam							
2	Customer satisfaction using Mobile Telecommunication Services: An Empirical Research at Mobifone Quang Binh Branch, Viet Nam	2	✓	International Journal of Recent Technology and Engineering (IJRTE) ISSN: 2277-3878.	Scopus Cite Score Tracker (0,16); IF (1.0)		8, 6, (2825 - 2831)	2020
3	Studying the success of startup enterprises - A case study of Quang Binh Province, Vietnam	3	✓	Open Journal of Business and Management (OJBM). ISSN Online: 2329-3292 ISSN Print: 2329-3284	H5 - Index (13); IF (0.9)		8, (1426-1438)	2020
4	Study on Community Participation in Tourism Activities in Phong Nha - Ke Bang National Park	1	✓	Current Journal of Applied Science and Technology. ISSN: 2457-1024 (Past name: British Journal of Applied Science & Technology, Past ISSN: 2231-0843, NLM ID: 101664541).	IF (0.13)		39, 14, (135-144)	2020
5	Developing Agricultural product Distribution System in Quang Binh Province	1	✓	CODI 2020, The 2 <sup>nd</sup> International Conference on Commerce and Distribution. ISBN: 978-604-60-3150-5			(573-584)	2020
6	Nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch tài vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng từ góc độ phát triển du lịch bền vững	1	✓	Tạp chí Công Thương. ISSN: 0866-7756			Số 10, (157-164)	2020

7	Liên kết phát triển du lịch ở tỉnh Quảng Bình	1	✓	Tạp chí Công Thương. ISSN: 0866-7756		2	Số 1, (67-72)	2020
8	Chiến lược phát triển sản phẩm OCOP trong phát triển kinh tế khu vực nông thôn ở tỉnh Quảng Bình	1	✓	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. ISSN: 1859 -4581		1	Số 6, (112-121)	2019
9	A success prediction model for startups	2	✓	The International Conference on Management and Business Comb 2019. ISBN: 978-604-84-4583-6		1	(573-584)	2019
10	Xây dựng và vận hành các trung tâm Logistics trên các Hành lang kinh tế - Mô hình kinh doanh mới để biến tiềm năng thành lợi thế phát triển của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Miền Trung	3		International Conference: Current situation and solutions to the development of the Logistics system for country and the key economic region of Central Vietnam. ISBN: 978-604-65-4359-6			T4, 2019, (510-518)	2019
11	Improve local Authorities role in developing sustainable tourism in Quang Binh Province	3	✓	International Conference: VietNam's Economic Development in the process of international intergration. ISBN: 978-604-55-2338-4			Tập 2, (702-712)	2017
<b>Trước khi bảo vệ luận án TS</b>								
12	To enhance awareness of natural tourism enviromental rotection on the development of	2	✓	International conference proceedings: Sustainable Tourism			Tập 2, (261-270)	2016

	sustainable tourism of Vietnam			Development "Roles Of Government Business and educational institutions. ISBN: 978 - 604 - 946 - 173 – 6				
13	Impact of E -Commerce Website on small tourism enterprises in Quang Binh, Viet Nam	2		Asian Economic and Social Society. ISSN(P) 2309-8295, ISSN (E) 2225 – 4226	H-Index (2), IF (0.04)	5	6,10), (221-225)	2016
14	A risk analysis of smallholders rubber households in Quang Binh province	1	✓	Hue university Journal of Science. ISSN: 1859 - 1388		6	113, 14, (113-126)	2016
15	Giải pháp giảm thiểu rủi ro nhằm phát triển bền vững sản xuất cao su tiểu điền ở tỉnh Quảng Bình	1	✓	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. ISSN: 1859 -4581		1	Số 20, (11-19)	2016
16	Quản lý an toàn, vệ sinh lao động ở Doanh nghiệp - Nội dung quan trọng trong giáo trình An toàn - Vệ sinh lao động	2	✓	Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Hoàn thiện, phát hành giáo trình môn học An toàn, Vệ sinh Lao động và các tài liệu kèm theo cho các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp khối Kinh tế. ISBN: 978-604-65-2237-9			T.8, 2015, (78-84)	2015
17	Nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm cao su Quảng Bình	1	✓	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. ISSN: 1859 -4581		2	Số 7, (3-11)	2014

18	Phát triển mô hình Cao su tiêu điền ở Tỉnh Quảng Bình	2	✓	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn. ISSN: 1859 -4581	1	Số 23, (3-11)	2014
19	Đánh giá hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh cao su tiêu điền ở Quảng Bình	1	✓	Tạp chí khoa học & Công nghệ Đại học Đà Nẵng. ISSN: 1859 – 1531	1	72, 11, (51-56)	2013
20	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất sản xuất cao su tiêu điền ở Quảng Bình	1	✓	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Phát triển hệ thống Logistics của Việt Nam theo hướng bền vững”, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân. NXB LĐ - XH.		T9, 2013, (244-248)	2013
21	Phát triển du lịch văn hóa khu vực Miền Trung	1	✓	Tạp chí Văn Hóa - Thể thao và Du lịch Việt Nam. ISSN: 0866-7373		Số 8, (15-18)	2010
22	Phát triển du lịch Hành Lang Kinh tế Đông – Tây ở Việt Nam	2	✓	Tạp chí Văn Hóa - Thể thao và Du lịch Việt Nam ISSN: 0866-7373	1	8, (14-17) 9, (26-27)	2009 2009
23	Thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực du lịch ở Quảng Bình	01	✓	Kỷ yếu hội thảo toàn quốc: Đào tạo nguồn nhân lực ngành Văn hóa – Du lịch trong xu thế hội nhập và phát triển. Trường Đại học Sài Gòn		T.11, 2019, (104-110)	2009
24	Thực trạng và giải pháp phát triển ngành du lịch Hà Tĩnh	01	✓	Tạp chí hoạt động khoa học, Bộ khoa		598,T3 , (63-66)	2009

				học công nghệ (ISSN 0866-1752)				
25	A Study of Developing Tourism EWEC to participate to hunger elimination and poverty alleviation in Vietnamese localities	3	✓	The First International Academic Conference and Research Presentation on “Cooperation for Development on the East - West Economic Corridor”. Sakon Nakhon Rajabhat University, Thailand	1	T9, 2008, (19-23)	2008	
<b>Các công trình không tính điểm</b>								
26	Nghiên cứu giải pháp phát triển du lịch cộng đồng ở tỉnh Hà Tĩnh	2	✓	Kỷ yếu hội thảo khoa học phát triển du lịch cộng đồng tại Hà Tĩnh		T.8, 2019, (52-73)	2019	
27	Một số nhận thức chung về nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế	1	✓	Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Tăng cường quản lý nợ đọng thuế tại Cục thuế Tỉnh Quảng Bình		T.12, 2018, (5-13)	2018	
28	Ứng dụng phương pháp phân tích độ nhạy đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất cao su tỉnh Quảng Bình trong bối cảnh rủi ro	3	✓	Tạp chí KH&CN Đại học Quảng Bình (ISSN 0866-7683)		Số 14, (47-57)	2017	
29	Phát triển nguồn nhân lực kinh tế - du lịch tỉnh Quảng Bình trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế	1	✓	Hội thảo khoa học: Phát triển nguồn nhân lực kinh tế - du lịch tỉnh Quảng Bình trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế		T.12, 2016, (1-3)	2016	

30	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch nhằm phát triển bền vững du lịch tỉnh Quảng Bình	1	✓	Hội thảo khoa học: Phát triển nguồn nhân lực kinh tế - du lịch tỉnh Quảng Bình trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế			T.12, 2016, (12-23)	2016
31	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở tỉnh Quảng Bình	1	✓	Tạp chí KH&CN Đại học Quảng Bình. ISSN: 0866-7683			Số 2, (75-86)	2013
32	Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm cao su Quảng Bình	1	✓	Tạp chí Khoa học Kinh tế. ISSN: 0866 - 7969			4, 4, (93-99)	2013
33	Chiến lược nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm cao su Quảng Bình	1	✓	Tạp chí Khoa học và Giáo dục. ISSN: 1859 - 4603			8, 03, (15-20)	2013
34	Khai thác tiềm năng văn hóa trong phát triển du lịch khu vực Miền Trung	1	✓	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Khai thác tiềm năng văn hóa để phát triển Du lịch trong tiểu vùng sông Mêkông.			T.6, 2010, (69-80)	2010
35	Nghiên cứu vận dụng Marketing địa phương trong phát triển du lịch	1	✓	Tạp chí văn hóa Quảng Bình.			Số 6, (38-40)	2010
36	Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch cộng đồng góp phần xóa đói giảm nghèo ở Quảng Bình	1	✓	Tạp chí văn hóa Quảng Bình.			Số 6, (36-39)	2009
37	Đào tạo nguồn nhân lực du lịch ở Khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng	2	✓	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Các giá trị khoa học mang tính toàn cầu của di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng			T.7, 2008, (135-141)	2008

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

<b>TT</b>	<b>Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích</b>	<b>Tên cơ quan cấp</b>	<b>Ngày tháng năm cấp</b>	<b>Tác giả chính/ đồng tác giả</b>	<b>Số tác giả</b>
1	Giải pháp hữu ích: “Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến năm 2030”	UBND tỉnh Quảng Bình	3989/QĐ-UBND tỉnh ngày 12/11/2018	Tác giả chính	7

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,... )

<b>T</b>	<b>Tên giải thưởng</b>	<b>Cơ quan/tổ chức ra quyết định</b>	<b>Số quyết định và ngày, tháng, năm</b>	<b>Số tác giả</b>
<b>Sau khi bảo vệ luận án TS</b>				
1	Phản biện có đóng góp xuất sắc cho tạp chí	Current Journal of Applied Science and Technology	Giấy chứng nhận số: SDI/HQ/PR/Cert/57553/TUL Năm: 2020	1

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế.

- Chủ trì xây dựng đề án mở mã ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Chủ trì và tham gia xây dựng phát triển chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh.
- Chủ trì và tham gia xây dựng phát triển chương trình đào tạo Cao đẳng hệ chính quy ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, ngành Việt nam học (văn hóa du lịch).
- Chủ trì và tham gia xây dựng phát triển chương trình đào tạo Đại học hệ liên thông ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh.
- Chủ trì và tham gia xây dựng phát triển chương trình đào tạo Đại học hệ văn bằng ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh.
- Chủ trì và tham gia xây dựng chương trình đào tạo chứng chỉ kế toán trưởng và chương trình đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không



-Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ;  04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

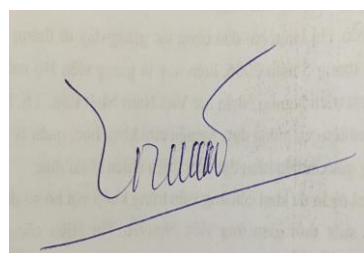
(\**) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Quảng Bình, ngày 22 tháng 06 năm 2020*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Trần Tự Lực**